

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **59/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/06/2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/05/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Mai Xuân T**, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Phan Linh N**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/03/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Mai Xuân T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị T và anh N qua thời gian quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và đã chung sống cùng nhau như vợ chồng. Sau đó, cả hai đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 31/03/2023. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T.

Hai vợ chồng chung sống cùng với gia đình bên nội một thời gian thì về bên ngoại sinh sống. Ngay từ lúc ban đầu chung sống thì gia đình bên ngoại đã không thích anh N chung sống với chị T. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh N thường hay đi chơi ở bên ngoài, ít về nhà và cũng không quan tâm hay hỏi thăm đến vợ con. Ngoài ra, anh N còn hay hỏi mượn tiền chị T và nhờ chị T đi vay mượn tiền dùm cho anh N, chị T không biết anh N dùng tiền để làm gì. Chị T phát hiện anh N đã lấy tiền thai sản của chị T là 38.000.000 đồng để tiêu dùng cho cá nhân. Sau đó, chị T mới phát hiện anh N chung sống không chung thủy, ham mê bài bạc, chị T1 còn nghi ngờ anh N sử dụng chất kích thích. Sau khi lấy được tiền thai sản của chị T thì anh N đã về nhà bên nội sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong quá trình sống ly thân thì cả hai cũng không liên lạc hay hỏi thăm nhau, anh N cũng không quan tâm đến vợ con và cũng không chu cấp cho chị T tiền để nuôi con chung. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không thể hòa giải, đoàn tụ được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Thanh N1, sinh ngày: 16/03/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N1. Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Mai Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Phan Linh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh N không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mai Xuân T được ly hôn với anh Phan Linh N.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Phan Linh N có đăng ký thường trú tại: Số B, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - chị Nguyễn Mai Xuân T có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Phan Linh N. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Nguyễn Mai Xuân T là nguyên đơn, anh Phan Linh N là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 09/05/2025, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, thông báo cho anh N biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh N tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Mai Xuân T và anh Phan Linh N xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 31/03/2023 đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng chị T và anh N đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra sự bất hòa. Nguyên

nhân chủ yếu là do anh N thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị T cho rằng anh N ham chơi, nợ nần, sống không lo cho vợ con vì từ thời gian sống ly thân khoảng một năm nay thì anh N đã không còn quan tâm, hỏi thăm hay hỗ trợ kinh tế để chị T nuôi con chung. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị T nhưng anh N không hợp tác. Điều đó cho thấy anh N không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 06/05/2025, địa phương cho biết: “ ... *hiện nay chị T và anh N không còn chung sống với nhau ...* ”.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Thanh N1, sinh ngày: 16/03/2023.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N1. Xét thấy, hiện con chung dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng với chị T. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Mai Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Mai Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Mai Xuân T.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Mai Xuân T và anh Phan Linh N được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Phan Ngọc Thanh N1, sinh ngày: 16/03/2023 cho chị Nguyễn Mai Xuân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Phan Linh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Phan Linh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Mai Xuân T không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Mai Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008638 ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Mai Xuân T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (GNCKH số 36/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh

